

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 27-6-2024

Về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Thanh Thúy

bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Đào Anh V, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** ông Trần Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ lưu trú: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh H:** bà Phạm Thị L, sinh năm: 1960; địa chỉ: số C, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (phạm vi ủy quyền: về tranh chấp quyền nuôi con chung khi ly hôn, theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2024).

- **Người kháng cáo:** bị đơn, ông Trần Minh H.

(Bà Đào Anh V, ông Trần Minh H, bà Phạm Thị L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đào Anh V trình bày:

Bà và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 15/11/2016. Đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy hôn nhân không thể tiếp tục nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung tên là Trần Đào Thảo N, sinh ngày 07/11/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian kết hôn, sống chung. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đào Thảo N, sinh ngày 07/11/2016. Vì sức khỏe bà V không ổn định, là đối tượng được trợ cấp xã hội, không đảm bảo nuôi dưỡng con chung nên ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà V cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đào Anh V được ly hôn ông Trần Minh H.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Trần Đào Thảo N, sinh ngày 07/11/2016, cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, bên trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2024, bị đơn ông Trần Minh H kháng cáo yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Phạm Thị L là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh H trình bày: trước đây, khi còn sống chung, toàn bộ chi phí học tập, sinh hoạt của cháu N do ông H chi trả. Hiện nay, ông H làm công nhân trên địa bàn huyện Đ – là nơi cháu N đã sinh sống ổn định từ khi sinh ra cho đến trước khi bà V đưa cháu về bên ngoại sinh sống. Bà Đào Anh V không đủ điều kiện về sức khỏe và vật chất

để đảm bảo trực tiếp nuôi dạy con. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H.

Bà Đào Anh V trình bày: bà không đồng ý giao con cho ông H nuôi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Trần Minh H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà V. Ông H chỉ kháng cáo về quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, xét thấy cháu N hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà Đào Anh V và cháu luôn có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Đào Anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Trần Minh H do bà Phạm Thị L đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Trần Minh H kháng cáo yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Đào Thảo N khi ly hôn với bà Đào Anh V. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh H:

[4.1] Về điều kiện trông nom, chăm sóc con chung: ông H cho rằng bà V không thể đảm bảo đủ điều kiện nuôi dạy con do bà V bị bệnh, sức khỏe không đảm bảo, là đối tượng được nhận trợ cấp xã hội nên cháu N ở với bà V sẽ không thể đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Hồ sơ vụ án thể hiện: bà V là người khuyết tật nặng, được trợ cấp hàng tháng là 405.000 đồng (bút lục số 21). Tuy nhiên, tại phiếu khám sức khỏe tâm thần của bà Đào Anh V thể hiện, phần thăm khám lâm sàng: bà V có thái độ tiếp xúc được nhưng chậm, tri giác chậm phát triển tâm thần nhẹ, không rối loạn cảm giác, tri giác, tư duy không có rối loạn hoang tưởng, không có ám ảnh, tình cảm không có rối loạn lo âu; phần kết luận: bà V động kinh/chậm phát triển tâm thần nhẹ (G40/F70-ICD10) (bút lục số 20). Theo quy định tại khoản 6 Điều 14 của Luật Người khuyết tật, một trong những hành vi bị nghiêm cấm là “cản trở quyền nuôi con của người khuyết tật”.

[4.2] Cháu Trần Đào Thảo N sinh ngày 07/11/2016, nghĩa là hiện nay cháu gần 8 tuổi. Hồ sơ vụ án thể hiện, cháu N có bản tự khai và tự trình bày tại phiên

tòa sơ thẩm rằng mong muốn được tiếp tục sống với mẹ là bà Đào Anh V (các bút lục số 27, 31). Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu N vẫn giữ nguyên nguyện vọng trên.

[4.3] Hội đồng xét xử nhận thấy, ngoài căn cứ bà V là đối tượng được trợ cấp xã hội, ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện rằng bà V không đủ năng lực hành vi để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho bà V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định về điều kiện sinh hoạt, học tập cũng như sự phát triển bình thường về tinh thần, tâm sinh lý của cháu N, đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bà V và ông H đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, chỉ còn tranh chấp về quyền nuôi con chung (bút lục số 29). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục 11 Phần IV của Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V xin được miễn án phí vì bà là người khuyết tật, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên cần sửa án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh H về quyền trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

3. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về người có quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

4. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Đào Anh V được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được hoàn trả 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006326 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4.2. Buộc ông Trần Minh H phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Trần Minh H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0006672 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyên – Trần Thị Thanh Thúy

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực